
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2-5 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 6-7 |
| Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán | 8-41 |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 8-11 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2015 | 12 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2015 | 13-14 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 | 15-41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7: 191.999.680.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại : 0210.3 846 619
Fax : 0210.3 847 729
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ) | Số 183 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng | Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại TP Hà Nội | Nhà số 43, phố Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 2600106523-005 |

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 41).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|----------|
| Ông Nguyễn Quang Huy | Chủ tịch |
| Ông Kiều Văn Linh | Ủy viên |
| Ông Dương Quốc Chính | Ủy viên |
| Ông Đỗ Phúc Viện | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân | Ủy viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|--------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Phương Nga | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Bùi Nhân Chương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |
| Bà Nguyễn Thị Ngân Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Hà Văn Doanh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Tạ Quang Vững | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Kiêm | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015 |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|--|--|
| Ông Nguyễn Quang Huy | Tổng Giám đốc | |
| Ông Dương Quốc Chính | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | |
| Ông Đỗ Phúc Viện | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Kiều Sơn Hùng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Tạ Quang Vững | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Kiêm | Phó Tổng Giám đốc | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0606.01.02/2015/NVT-BCTC
Ngày : 15 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016 từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:
Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:
47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNT số: 1690-2014-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà
GCNĐKHNT số: 1603-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 383.841.747.612 | 380.739.157.768 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 75.416.756.801 | 151.788.198.664 |
| 1. Tiền | 111 | | 40.416.756.801 | 151.788.198.664 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 35.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25.891.720.880 | 48.993.659.657 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 22.487.780.773 | 14.743.215.807 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 2.006.431.532 | 34.609.866.671 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 3.927.126.102 | 1.697.641.718 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (2.529.617.527) | (2.057.064.539) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 257.562.066.833 | 179.269.710.540 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 257.562.066.833 | 179.269.710.540 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.971.203.098 | 687.588.907 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 4.044.620.623 | 664.000.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 20.504.750.241 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.8 | 421.832.234 | 23.588.907 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 547.940.188.524 | 274.981.476.653 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 251.934.462.136 | 263.822.895.395 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 251.934.462.136 | 263.822.895.395 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 591.188.131.178 | 559.125.096.188 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (339.253.669.042) | (295.302.200.793) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 291.550.123.115 | 5.217.776.896 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.10 | 1.324.124.319 | 1.324.124.319 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 290.225.998.796 | 3.893.652.577 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.455.603.273 | 5.940.804.362 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 4.455.603.273 | 5.940.804.362 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 931.781.936.136 | 655.720.634.421 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 642.019.265.325 | 414.787.465.662 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 384.387.539.946 | 296.619.428.224 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 148.099.687.258 | 83.072.308.413 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 2.234.834.046 | 2.516.595.239 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 7.656.206.111 | 14.324.606.581 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.311.370.822 | 8.627.851.035 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 1.461.415.734 | 2.880.704.578 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 12.717.729.663 | 7.569.430.828 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18 | 198.554.291.878 | 177.194.951.549 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 3.352.004.434 | 432.980.001 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 257.631.725.379 | 118.168.037.438 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 86.400.000 | 86.400.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20 | 257.545.325.379 | 118.081.637.438 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 289.762.670.811 | 240.933.168.759 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 289.762.670.811 | 240.933.168.759 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 191.999.680.000 | 160.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 191.999.680.000 | 160.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 10.076.344.710 | 10.266.344.710 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 25.019.649.947 | 20.019.649.947 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 62.666.996.154 | 50.647.174.102 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 62.666.996.154 | 50.647.174.102 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 931.781.936.136 | 655.720.634.421 |

Người lập biểu

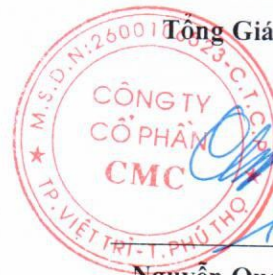
Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 721.903.283.243 | 620.854.807.056 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 41.698.829.551 | 13.501.317.272 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 680.204.453.692 | 607.353.489.784 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 548.634.194.660 | 483.267.061.005 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 131.570.259.032 | 124.086.428.779 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.305.254.419 | 663.341.097 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 20.521.817.801 | 22.258.094.640 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 19.551.712.202 | 22.135.670.944 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 6.559.903.183 | 6.180.746.175 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 29.749.095.479 | 29.350.135.715 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 76.044.696.988 | 66.960.793.346 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 4.572.339.157 | 2.762.258.397 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 126.018.803 | 3.511.888.518 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.446.320.354 | (749.630.121) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 80.491.017.342 | 66.211.163.225 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 17.824.021.188 | 15.516.513.762 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>62.666.996.154</u> | <u>50.694.649.463</u> |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>2.970</u> | <u>4.203</u> |

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 80.491.017.342 | 66.211.163.225 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 44.776.276.537 | 42.130.157.102 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 472.552.988 | 736.418.987 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 102.313.699 | (171.602.871) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (341.095.483) | (203.739.771) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 19.551.712.202 | 22.135.670.944 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 145.052.777.285 | 130.838.067.616 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (30.255.748.329) | 7.382.367.564 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (78.292.356.293) | (50.324.385.314) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 37.683.776.943 | 9.405.442.096 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (1.892.360.163) | 978.649.057 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (19.372.084.238) | (22.087.116.014) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (23.622.371.690) | (14.426.249.829) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (2.728.469.669) | (5.855.018.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 26.573.163.846 | 55.911.757.176 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (256.250.176.229) | (76.463.057.475) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 341.095.483 | 203.739.771 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (255.909.080.746) | (76.259.317.704) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

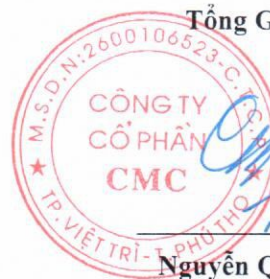
| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|----------------------|-------------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | - | 84.605.640.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 773.764.416.094 | 636.919.551.030 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (613.030.516.419) | (583.689.569.451) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (7.960.122.050) | (16.748.095.904) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 152.773.777.625 | 121.087.525.675 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (76.562.139.275) | 100.739.965.147 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 151.788.198.664 | 51.044.804.069 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 190.697.412 | 3.429.448 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 75.416.756.801 | 151.788.198.664 |

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cấu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất; Đầu tư kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 15 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 8 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 |

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại nhà máy CMC2 – Khu Công Nghiệp Thụy Vân – thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐTN-2015 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 09 tháng 5 năm 2015 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014.

Trích lập các quỹ

| | <u>Năm nay</u> |
|------------------------------------|------------------------------|
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | 5.000.000.000 |
| Trích lập quỹ thường Ban điều hành | 952.844.639 |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | 4.694.649.463 |
| Cộng | <u>10.694.649.463</u> |

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân của Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2015:

| Tỷ giá | <u>VND/USD</u> | <u>VND/EUR</u> |
|---------------|----------------|----------------|
| Mua vào | 22.450 | 24.463 |
| Bán ra | 22.540 | 24.697 |

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 501.535.385 | 482.253.303 |
| Tiền gửi ngân hàng | 39.915.221.416 | 151.305.945.361 |
| Các khoản tương đương tiền | 35.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>75.416.756.801</u> | <u>151.788.198.664</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Vật tư Tổng Hợp Vĩnh Phú | 847.600.987 | 227.014.199 |
| Công ty TNHH Hương Tài | 575.827.148 | 1.902.379.708 |
| Công ty Cổ phần tập đoàn Hòa Bình Minh | 6.719.190.399 | - |
| Công ty TNHH Gia công Gạch trang trí Vạn Thuận | 870.025.137 | 1.762.404.700 |
| Công ty TNHH Thương Mại Vũ Đình | 1.721.446.200 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nam Long Phát | 879.644.547 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Tuấn Hồng Phú Thọ | 536.769.630 | - |
| Các đối tượng khác | 10.337.276.725 | 10.851.417.200 |
| Cộng | <u>22.487.780.773</u> | <u>14.743.215.807</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Vinatop | - | 14.244.901.679 |
| Hãng Foshan Gemco | - | 2.603.283.086 |
| Foshan Henglitai Machinery co., ltd | 411.595.350 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Liên Việt Phú Thọ | 443.724.100 | 3.870.002.500 |
| Hãng Tecnoexamina S.P.A | - | 3.257.000.640 |
| Hãng Sacmi Hongkong Ltd | - | 3.096.665.095 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Công nghiệp | - | 5.420.607.000 |
| Các đối tượng khác | 1.151.112.082 | 2.117.406.671 |
| Cộng | <u>2.006.431.532</u> | <u>34.609.866.671</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 385.029.488 | | 246.179.488 | |
| Ký quỹ ngắn hạn | 38.000.000 | | 38.000.000 | |
| Tổng Công ty Sông Hồng | 694.740.506 | 694.740.506 | 694.740.506 | 543.150.502 |
| Phải thu chi nhánh Miền Trung - Công trình Chợ Vinh chưa quyết toán- Công ty Xây dựng số 1- Tổng Sông Hồng | 584.352.672 | 584.352.672 | 584.352.672 | 584.352.672 |
| Công ty Cổ phần Liên Việt Phú Thọ | 2.000.000.000 | | | |
| Trường đào tạo Tổng Sông Hồng | 50.000.000 | 50.000.000 | 50.000.000 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 175.003.436 | | 84.369.052 | |
| Cộng | 3.927.126.102 | 1.329.093.178 | 1.697.641.718 | 1.127.503.174 |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.057.064.539 | 1.320.645.552 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 484.082.988 | 749.207.987 |
| Hoàn nhập dự phòng | (11.530.000) | (12.789.000) |
| Số cuối năm | 2.529.617.527 | 2.057.064.539 |

Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem tại Phụ lục 1

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 140.105.398.497 | 109.720.130.839 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.826.118.331 | 1.300.256.903 |
| Thành phẩm | 111.460.397.345 | 64.518.013.132 |
| Hàng hóa | 4.170.152.660 | 3.731.309.666 |
| Cộng | 257.562.066.833 | 179.269.710.540 |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí sửa chữa, thay thế Siclo | - | 664.000.000 |
| Chi phí sửa chữa cải tạo CMC 1 | 1.236.266.430 | - |
| Bộ tổng khuôn | 291.950.000 | - |
| Bi cao nhôm nạp quả nghiền lần đầu | 1.126.022.777 | - |
| Hộp khuôn 300*600/4w | 428.400.000 | - |
| Bi nghiền cao nhôm A50-60 | 747.840.227 | - |
| Công cụ dụng cụ | 211.081.818 | - |
| Chi phí khác | 3.059.371 | - |
| Cộng | 4.044.620.623 | 664.000.000 |

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là thuế Xuất, nhập khẩu nộp thừa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 127.598.861.353 | 411.153.700.109 | 18.830.980.181 | 1.541.554.545 | 559.125.096.188 |
| Tăng trong năm do mua mới | 641.264.000 | 17.370.853.867 | 3.079.394.182 | - | 21.091.512.049 |
| Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 11.799.390.600 | - | - | 11.799.390.600 |
| Giảm do thanh lý nhượng bán | - | (761.250.000) | - | - | (761.250.000) |
| Giảm khác | - | - | - | (66.617.659) | (66.617.659) |
| Số cuối năm | 128.240.125.353 | 439.562.694.576 | 21.910.374.363 | 1.474.936.886 | 591.188.131.178 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>31.358.749.978</i> | <i>182.223.284.595</i> | <i>6.132.300.879</i> | <i>645.497.761</i> | <i>220.359.833.213</i> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 45.714.619.443 | 235.979.573.576 | 12.547.980.351 | 1.060.027.423 | 295.302.200.793 |
| Phân loại lại | (493.214.689) | 478.884.535 | 43.588.503 | (29.258.349) | - |
| Tăng do khấu hao trong năm | 11.520.547.336 | 30.131.191.984 | 2.924.951.990 | 199.585.227 | 44.776.276.537 |
| Giảm do thanh lý, nhượng bán | - | (761.250.000) | - | - | (761.250.000) |
| Giảm khác | - | - | - | (63.558.288) | (63.558.288) |
| Số cuối năm | 56.741.952.090 | 265.828.400.095 | 15.516.520.844 | 1.166.796.013 | 339.253.669.042 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 81.884.241.910 | 175.174.126.533 | 6.282.999.830 | 481.527.122 | 263.822.895.395 |
| Số cuối năm | 71.498.173.263 | 173.734.294.481 | 6.393.853.519 | 308.140.873 | 251.934.462.136 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 310.493.876.037 VND và 221.925.154.678 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là giá trị dở dang công trình Nam Trung Yên do Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại TP Hà Nội thi công cho Tổng Công ty Sông Hồng nhưng chưa quyết toán được.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Tăng khác (vốn hóa chi phí lãi vay) | Kết chuyển tăng TSCĐ | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------------|-------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nhà máy Sản xuất số 2 CMC- giai đoạn 2 | 3.893.652.577 | 277.500.901.033 | 8.831.445.186 | - | 290.225.998.796 |
| Cải tạo dây chuyền gạch ốp lát CMC 1 | - | 8.259.573.420 | - | (8.259.573.420) | - |
| Cải tạo dây chuyền gạch thẻ CMC 1 | - | 3.539.817.180 | - | (3.539.817.180) | - |
| Cộng | 3.893.652.577 | 289.300.291.633 | 8.831.445.186 | (11.799.390.600) | 290.225.998.796 |

Toàn bộ tài sản dở dang đang xây dựng và được hình thành trong tương lai của Nhà máy gạch số 2 CMC – giai đoạn 2 được dùng đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì.

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Tiền thuê đất trả trước | 5.940.804.362 | 1.485.201.089 | 4.455.603.273 |
| Cộng | 5.940.804.362 | 1.485.201.089 | 4.455.603.273 |

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Kinh doanh Frit Thừa Thiên Huế | 4.910.529.720 | 3.709.728.000 |
| Công ty Cổ phần Vinatop | 4.478.240.610 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan | 25.496.905.745 | 22.134.085.864 |
| Hãng Foshan Gemco | 4.119.595.002 | - |
| Công ty TNHH Hoàn Cường | 12.819.362.361 | 7.777.420.911 |
| Công ty Cổ phần Tâm Thành | 70.741.000 | 6.803.366.074 |
| Công ty TNHH Trang Anh | - | 1.140.184.650 |
| Hãng King Long International Limited | 3.822.581.100 | - |
| ENDEKA Ceramic India | 4.456.206.734 | 4.322.452.932 |
| Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Trường Giang | 5.163.145.932 | - |
| Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ | 4.776.689.940 | - |
| Công ty TNHH Hồng Đô Vĩnh Phúc | 4.210.763.557 | - |
| Hãng Billon Vast Industrial Ltd | 9.881.536.000 | - |
| Công ty TNHH một thành viên vận tải Tùng Sơn | 4.238.019.900 | - |
| Hãng Panson Ceramics (hongkong) | 11.741.298.660 | - |
| Hãng Foshan Nanhai Grand Champion trading., LTD | 6.004.069.960 | - |
| Các đối tượng khác | 41.910.001.037 | 37.185.069.982 |
| Cộng | 148.099.687.258 | 83.072.308.413 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thiên An Phú | 14.057.047 | 694.764.600 |
| Công ty TNHH TLG Thăng Long | 110.558.924 | 10.352.662 |
| Công Ty TNHH TM Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt | 767.760.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xuân Phương | 3.306.273 | 73.933.600 |
| Các đối tượng khác | 1.339.151.802 | 1.737.544.377 |
| Cộng | <u>2.234.834.046</u> | <u>2.516.595.239</u> |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT đầu ra | 1.087.710.103 | 29.542.505.131 | 30.550.091.326 | 80.123.908 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | (23.588.907) | 192.696.115 | 590.939.442 | (421.832.234) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.073.458.030 | 17.824.021.188 | 23.622.371.690 | 4.275.107.528 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 500.878.527 | 1.120.446.793 | 921.920.254 | 699.405.066 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | 706.824.548 | 706.824.548 | |
| Các loại thuế khác | 34.940.501 | 4.000.000 | 4.000.000 | 34.940.501 |
| Thuế nhà thầu | | 2.150.145.382 | 1.320.040.429 | 830.104.953 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2.627.619.420 | - | 891.095.265 | 1.736.524.155 |
| Cộng | <u>14.301.017.674</u> | <u>51.540.639.157</u> | <u>58.607.282.954</u> | <u>7.234.373.877</u> |

(*): Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 531.667.352 | 441.167.983 |
| Chiết khấu thương mại phải trả các đại lý | 929.748.382 | 2.439.536.595 |
| Cộng | <u>1.461.415.734</u> | <u>2.880.704.578</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.139.835.309 | 1.162.766.309 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 408.751.107 |
| Đặt cọc mua hàng | 4.500.000.000 | 1.000.000.000 |
| Chế độ BHXH | 25.221.431 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 619.255.200 | 579.377.250 |
| Phải trả tiền đảm bảo trách nhiệm người lao động | 38.000.000 | 48.000.000 |
| Tiền ủng hộ của Công nhân viên | 456.775.702 | 263.571.702 |
| Phải trả, phải nộp khác | 5.938.642.021 | 4.106.964.460 |
| Cộng | <u>12.717.729.663</u> | <u>7.569.430.828</u> |

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 145.077.931.054 | 145.077.931.054 | 147.090.170.132 | 147.090.170.132 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (a) | 29.703.040.802 | 29.703.040.802 | 69.383.259.633 | 69.383.259.633 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thị xã Phú Thọ (b) | 55.483.484.204 | 55.483.484.204 | 59.398.925.596 | 59.398.925.596 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c) | 59.891.406.048 | 59.891.406.048 | 18.307.984.903 | 18.307.984.903 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 5.259.713.532 | 5.259.713.532 | 6.878.894.937 | 6.878.894.937 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 48.216.647.292 | 48.216.647.292 | 23.225.886.480 | 23.225.886.480 |
| Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN thị xã Phú Thọ | 18.016.647.292 | 18.016.647.292 | - | - |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì | 22.000.000.000 | 22.000.000.000 | 23.225.886.480 | 23.225.886.480 |
| Cộng | <u>198.554.291.878</u> | <u>198.554.291.878</u> | <u>177.194.951.549</u> | <u>177.194.951.549</u> |

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2015/399109/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015; hạn mức vay vốn 85 tỷ đồng; hạn mức mở L/C 25 tỷ đồng; trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn và dư nợ mở L/C chưa đến hạn thanh toán, dư bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/HĐ ngày 25 tháng 06 năm 2014; lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 15251101/2015-HĐTDHM/NHCT244-CTCPCMC ngày 12 tháng 11 năm 2015; Tổng mức dư nợ vay cùng với các số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 80 tỷ đồng. Được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14250808/2014 - HĐTDHM/NHCT244 - CTCPCMC ngày 21 tháng 8 năm 2014. Mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất, kinh doanh gạch ốp lát các loại; lãi suất cho vay trong hạn là lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh theo quy định thỏa thuận.

(c): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 15/DN-ĐB1P/NHHM 161 ngày 29 tháng 07 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì với Công ty Cổ phần CMC có tổng hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát. Thời hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời hạn cho vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ). Lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn trả lãi vay vào 26 hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số kết chuyển | Tăng khác (lãi tiền vay nhập gốc) | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|--|------------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 147.090.170.132 | 586.282.958.850 | | | 588.295.197.928 | 145.077.931.054 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | 69.383.259.633 | 280.177.504.801 | | | 319.857.723.632 | 29.703.040.802 |
| Ngân hàng Công thương - CN TX Phú Thọ | 59.398.925.596 | 145.927.291.616 | | | 149.842.733.008 | 55.483.484.204 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì | 18.307.984.903 | 160.178.162.433 | | | 118.594.741.288 | 59.891.406.048 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 6.878.894.937 | | | 89.128.595 | 1.708.310.000 | 5.259.713.532 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 23.225.886.480 | | 41.120.192.232 | | 16.129.431.420 | 48.216.647.292 |
| Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phú Thọ | | | 18.016.647.292 | | | 18.016.647.292 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | | | 8.200.000.000 | | | 8.200.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì | 23.225.886.480 | | 14.903.544.940 | | 16.129.431.420 | 22.000.000.000 |
| Cộng | 177.194.951.549 | 586.282.958.850 | 41.120.192.232 | 89.128.595 | 606.132.939.348 | 198.554.291.878 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 432.980.001 | 4.694.649.463 | 1.775.625.030 | 3.352.004.434 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 952.844.639 | 952.844.639 | |
| Cộng | 432.980.001 | 5.647.494.102 | 2.728.469.669 | 3.352.004.434 |

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 257.545.325.379 | 257.545.325.379 | 118.081.637.438 | 118.081.637.438 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (a) | 151.118.102.191 | 151.118.102.191 | 11.261.527.070 | 11.261.527.070 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (b) | 18.685.291.928 | 18.685.291.928 | 13.916.564.428 | 13.916.564.428 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c) | 87.741.931.260 | 87.741.931.260 | 92.903.545.940 | 92.903.545.940 |
| Cộng | 257.545.325.379 | 257.545.325.379 | 118.081.637.438 | 118.081.637.438 |

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo:

(a1): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1229002/HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2012, thời hạn vay 42 tháng; lãi suất trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành cộng chi phí huy động vốn tăng thêm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 03 máy in trang trí m/c Rotocolor evolution, 01 máy mài cạnh khô và 05 xe nâng hàng.

(a2): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014-HĐTDDA/NHCT244-CTCPCMC ngày 08 tháng 11 năm 2014, tổng mức cho vay là 194 tỷ đồng, thời hạn vay 72 tháng; Mục đích của khoản vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp pháp của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy gạch số 2 CMC - Giai đoạn 2. Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam trong 9 tháng đầu tiên là 8,7%; 24 tháng tiếp theo lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,6%/năm; các tháng còn lại lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bằng đồng ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng Công thương tại từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Nhà xưởng, các công trình xây dựng khác hình thành trong tương lai: Nhận làm tài sản đảm bảo bổ sung đến khi tài sản hình thành hoặc được cấp GCN QSDĐ tại lô B10 và B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tài sản được hình thành hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhận tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành.
- + Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai: Bao gồm nhưng không giới hạn máy móc, dây chuyền thiết bị của nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2.
- + Lò nung con lăn đầu tư trong giai đoạn 2 để thay thế lò sấy đã có trong giai đoạn 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(a3): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 15250701/2015-HĐTDDA/NHCT244-CMC ngày 20 tháng 07 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư dự án đầu tư dây chuyền mài và các công trình phụ trợ. Số tiền vay bằng Việt nam đồng có tổng giá trị không vượt quá 12.200.000.000 đồng; Lãi suất cho vay là lãi suất trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày ký Hợp đồng là 8,7%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(a4): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 15250703/2015-HĐTDDA/NHCT244-CMC ký ngày 20 tháng 7 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư xây dựng xưởng sản xuất bao bì. Số tiền vay bằng Việt nam đồng có tổng giá trị không vượt quá 8.500.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày ký Hợp đồng là 8,7%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hợp đồng hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ theo:

(b1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 15 tháng 8 năm 2013 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 25.800.000.000 VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi); thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng; lãi suất cho vay VND là lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay USD là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

(b2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/HĐ ngày 17 tháng 01 năm 2014 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 6.586.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC ngày 17 tháng 01 năm 2014, là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư đã được duyệt, tổng giá trị thế chấp được dự toán là 9.964.000.000 VND.

(b3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2014/399109/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2014, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Mục đích vay là để đầu tư thiết bị cải tạo sản xuất gạch thẻ ốp tường ngoài trời. Tổng số tiền vay là 14.200.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/ lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

(b4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số đồng tín dụng số: 01/2015/399109/HĐTD ngày 13 tháng 4 năm 2015, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn 08 tháng. Mục đích vay là để đầu tư thiết bị cải tạo dây chuyền số 2 nhà máy gạch CMC số 1. Tổng số tiền vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 8,7%/năm được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của BIDV tại từng thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có và các biện pháp đảm bảo bổ sung, thay thế (nếu có).

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì theo:

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 14/DN-ĐB/ĐTDA ký ngày 26 tháng 08 năm 2014 có tổng số tiền vay là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: Cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa là 80 tỷ đồng; Cho vay bù đắp phần vốn Công ty đã đầu tư vào nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa 40 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tháng, thời hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là các bất động sản và động sản thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B1 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với tổng giá trị 245.274.000.000 VND.

(c2) Hợp đồng tín dụng số 15/DN-ĐB/ĐTDA 479 ngày 19 tháng 11 năm 2015, trị giá hợp đồng là 25.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư mua sắm thiết bị bổ sung cho dây chuyền sản xuất và xây mới, nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng Nhà máy gạch CMC số 2. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay 9,56%/năm được cố định trong 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau thời gian áp dụng lãi suất cố định lãi suất được áp dụng theo quy định lãi suất cho vay trung hạn của Vietcombank tương ứng với kỳ hạn của toàn bộ thời gian vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có và vốn huy động khác của Công ty thuộc Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị bổ sung cho dây chuyền sản xuất và xây mới, nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng Nhà máy Gạch CMC số 2.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số kết chuyển | Số cuối năm |
|--|------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ | 11.261.527.070 | 162.170.799.484 | 4.297.577.071 | 18.016.647.292 | 151.118.102.191 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | 13.916.564.428 | 15.568.727.500 | 2.600.000.000 | 8.200.000.000 | 18.685.291.928 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì | 92.903.545.940 | 9.741.930.260 | | 14.903.544.940 | 87.741.931.260 |
| Số dư cuối năm nay | 118.081.637.438 | 187.481.457.244 | 6.897.577.071 | 41.120.192.232 | 257.545.325.379 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:*

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 80.000.000.000 | 9.134.644.710 | (3.473.940.000) | 15.573.514.500 | 2.446.135.447 | 18.863.229.677 | 122.543.584.334 |
| Phát hành cổ phiếu tăng vốn | 80.000.000.000 | 925.640.000 | - | - | - | - | 80.925.640.000 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 206.060.000 | 3.473.940.000 | - | - | - | 3.680.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 50.694.649.463 | 50.694.649.463 |
| Trích lập các quỹ năm trước | - | - | - | 2.000.000.000 | - | (3.419.225.038) | (1.419.225.038) |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | - | - | (15.491.480.000) | (15.491.480.000) |
| Số dư cuối năm trước | 160.000.000.000 | 10.266.344.710 | - | 17.573.514.500 | 2.446.135.447 | 50.647.174.102 | 240.933.168.759 |
| Số dư đầu năm nay | 160.000.000.000 | 10.266.344.710 | - | 20.019.649.947 | - | 50.647.174.102 | 240.933.168.759 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế | 31.999.680.000 | - | - | - | - | (31.999.680.000) | - |
| Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu | - | (190.000.000) | - | - | - | - | (190.000.000) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | 62.666.996.154 | 62.666.996.154 |
| Quỹ thưởng ban điều hành | - | - | - | - | - | (952.844.639) | (952.844.639) |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | 5.000.000.000 | - | (9.694.649.463) | (4.694.649.463) |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | - | - | (8.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 191.999.680.000 | 10.076.344.710 | - | 25.019.649.947 | - | 62.666.996.154 | 289.762.670.811 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | 191.999.680.000 | 160.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 10.076.344.710 | 10.266.344.710 |
| Cộng | 202.076.024.710 | 170.266.344.710 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi cổ tức trong năm | 7.960.122.050 | 16.748.095.904 |
| Cộng | <u>7.960.122.050</u> | <u>16.748.095.904</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 19.199.968 | 16.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 19.199.968 | 16.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>19.199.968</i> | <i>16.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.199.968 | 16.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>19.199.968</i> | <i>16.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 387.740,04 | 5.007,47 |
| Euro (EUR) | 2.830,89 | 2.806,77 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 721.903.283.243 | 620.854.807.056 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | <i>363.132.000</i> | <i>2.061.185.700</i> |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>721.540.151.243</i> | <i>618.793.621.356</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (41.698.829.551) | (13.501.317.272) |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | <i>(40.256.224.815)</i> | <i>(12.495.779.392)</i> |
| <i>Giảm giá hàng bán</i> | <i>(890.523.455)</i> | <i>(563.325.182)</i> |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | <i>(552.081.281)</i> | <i>(442.212.698)</i> |
| Doanh thu thuần | <u>680.204.453.692</u> | <u>607.353.489.784</u> |

0203
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
IẢN
S D

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 236.638.322 | 1.821.327.633 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 548.397.556.338 | 481.445.733.372 |
| Cộng | <u>548.634.194.660</u> | <u>483.267.061.005</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi | 341.095.483 | 203.739.771 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 964.158.936 | 287.998.455 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 171.602.871 |
| Cộng | <u>1.305.254.419</u> | <u>663.341.097</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 19.551.712.202 | 22.135.670.944 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 867.791.900 | 122.423.696 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 102.313.699 | - |
| Cộng | <u>20.521.817.801</u> | <u>22.258.094.640</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên | 2.232.441.743 | 1.734.984.572 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 111.945.195 | 226.963.483 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.215.516.245 | 4.218.798.120 |
| Cộng | <u>6.559.903.183</u> | <u>6.180.746.175</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.992.250.614 | 11.460.129.956 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 2.967.629.608 | 1.472.953.454 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 22.268.181 | 22.263.182 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.615.048.359 | 2.327.208.459 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.361.316 | 1.181.751.590 |
| Chi phí dự phòng | 472.552.988 | 736.418.987 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.661.816.064 | 8.537.771.387 |
| Chi phí bằng tiền khác | 5.015.168.349 | 3.611.638.700 |
| Cộng | <u>29.749.095.479</u> | <u>29.350.135.715</u> |

3482
G TY
EM HUU
TOAN
AM V
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu tiền bán phế liệu | 4.572.339.157 | 2.687.566.097 |
| Thu nhập khác | - | 74.692.300 |
| Cộng | <u>4.572.339.157</u> | <u>2.762.258.397</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Phạt chậm nộp thuế | 5.488.303 | 2.496.791.968 |
| Truy thu thuế TNCN | - | 485.819.901 |
| Truy thu thuế GTGT | - | 46.430.918 |
| Truy hoàn thuế GTGT | - | 229.697.715 |
| Phạt xử lý nước thải | 50.000.000 | - |
| Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp BHXH | 39.100.500 | 253.148.016 |
| Chi phí khác | 31.430.000 | - |
| Cộng | <u>126.018.803</u> | <u>3.511.888.518</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 80.491.017.342 | 66.211.163.225 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 527.260.785 | 3.655.888.518 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 717.958.197 | 3.655.888.518 |
| <i>Chi phí thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i> | 224.000.000 | 144.000.000 |
| <i>Chi phí không được trừ, Các khoản phạt theo Biên bản thuế</i> | 493.958.197 | 3.511.888.518 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (190.697.412) | - |
| <i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại số dư tiền gửi</i> | (190.697.412) | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 81.018.278.127 | 69.867.051.743 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 17.824.021.188 | 15.370.751.383 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 145.762.379 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>17.824.021.188</u> | <u>15.516.513.762</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 62.666.996.154 | 50.694.649.463 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | (5.647.494.102) | (3.419.225.038) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 57.019.502.052 | 47.275.424.425 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>19.199.968</u> | <u>11.248.950</u> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>2.970</u> | <u>4.203</u> |

(*): Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định bằng tổng số quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành đã trích lập theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 09 tháng 05 năm 2015.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 16.000.000 | 7.794.100 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ tái phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2014 | - | 79.539 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2014 | - | 175.342 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 | <u>3.199.968</u> | <u>3.199.968</u> |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>19.199.968</u> | <u>11.248.950</u> |

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 444.222.792.349 | 364.908.069.138 |
| Chi phí nhân công | 70.753.957.219 | 58.324.748.903 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 44.776.276.537 | 42.130.157.102 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 66.446.172.502 | 56.654.387.326 |
| Chi phí khác | <u>5.491.767.987</u> | <u>5.546.984.277</u> |
| Cộng | <u>631.690.966.594</u> | <u>527.564.346.746</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn | 89.128.595 | 315.779.745 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, phụ cấp | 4.076.084.387 | 2.086.659.000 |
| Cộng | 4.076.084.387 | 2.086.659.000 |

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong năm công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|--|----------------------|
| Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt | 8.831.445.186 |
| Cộng | 8.831.445.186 |

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | <u>Giá trị sổ sách</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 75.416.756.801 | 151.788.198.664 | 75.416.756.801 | 151.788.198.664 |
| Phải thu khách hàng | 21.287.256.424 | 13.813.654.442 | 21.287.256.424 | 13.813.654.442 |
| Các khoản phải thu khác | 2.598.032.924 | 570.138.544 | 2.598.032.924 | 570.138.544 |
| Cộng | 99.302.046.149 | 166.171.991.650 | 99.302.046.149 | 166.171.991.650 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 148.099.687.258 | 83.072.308.413 | 148.099.687.258 | 83.072.308.413 |
| Vay và nợ | 456.099.617.257 | 295.276.588.987 | 456.099.617.257 | 295.276.588.987 |
| Các khoản phải trả khác | 24.576.916.219 | 19.164.386.441 | 24.576.916.219 | 19.164.386.441 |
| Cộng | 628.776.220.734 | 397.513.283.841 | 628.776.220.734 | 397.513.283.841 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18; V.20). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

| <u>Tài sản thế chấp</u> | <u>Giá trị còn lại</u> <u>sổ sách</u> |
|--------------------------|--|
| Số cuối năm | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 58.088.912.921 |
| Máy móc thiết bị | 160.842.326.154 |
| Phương tiện vận tải | 2.685.774.730 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 308.140.873 |
| Chi phí xây dựng | 290.225.998.796 |
| Cộng | <u>512.151.153.474</u> |

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

0203
CÔNG
CH NHẬN
KIỂM
IẢN T
S Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 148.099.687.258 | - | - | 148.099.687.258 |
| Vay và nợ | 198.554.291.878 | 257.545.325.379 | - | 456.099.617.257 |
| Các khoản phải trả khác | 24.490.516.219 | 86.400.000 | - | 24.576.916.219 |
| Cộng | <u>371.144.495.355</u> | <u>257.631.725.379</u> | | <u>628.776.220.734</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 83.072.308.413 | - | - | 83.072.308.413 |
| Vay và nợ | 177.194.951.549 | 118.081.637.438 | - | 295.276.588.987 |
| Các khoản phải trả khác | 19.077.986.441 | 86.400.000 | - | 19.164.386.441 |
| Cộng | <u>279.345.246.403</u> | <u>118.168.037.438</u> | | <u>397.513.283.841</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

3482
G T
EM HUN
TOA
AM V
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.10):

| | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước | Số liệu điều chỉnh lại |
|--|-------|--|------------------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.298 | 4.203 |

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng Cân đối Kế toán tổng hợp đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài Chính. Cụ thể:

| | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước | Số liệu điều chỉnh lại | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|-------|--|------------------------|------------------------|
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp | | | | |
| Hàng tồn kho | 141 | 180.593.834.859 | (1.324.124.319) | 179.269.710.540 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.413.462.230 | 284.179.488 | 1.697.641.718 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 284.179.488 | (284.179.488) | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | - | 1.324.124.319 | 1.324.124.319 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 441.167.983 | 2.439.536.595 | 2.880.704.578 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 10.008.967.423 | (2.439.536.595) | 7.569.430.828 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 17.573.514.500 | 2.446.135.447 | 20.019.649.947 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 2.446.135.447 | (2.446.135.447) | - |

Lập ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|----------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| Công ty Xây dựng 25- TCT | 309.043.946 | 309.043.946 | Quá hạn trên 3 năm | 309.043.946 | 309.043.946 | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Trang Tâm | 85.168.100 | 85.168.100 | Quá hạn trên 3 năm | 85.168.100 | 85.168.100 | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty Nhân Hòa | 110.815.974 | 110.815.974 | Quá hạn trên 3 năm | 110.815.974 | 110.815.974 | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty Ngọc Bích | 85.083.900 | 85.083.900 | Quá hạn trên 3 năm | 85.083.900 | 85.083.900 | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty Hoàng Cường | 34.980.550 | 34.980.550 | Quá hạn trên 3 năm | 34.980.550 | 34.980.550 | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty Xây dựng số 1- Tổng Sông Hồng | 584.352.672 | 584.352.672 | Quá hạn trên 3 năm | 584.352.672 | 584.352.672 | Quá hạn trên 3 năm |
| Tổng Công ty Sông Hồng | 694.740.506 | 694.740.506 | Quá hạn trên 3 năm | 694.740.506 | 543.150.502 | Quá hạn từ 2 đến 3 năm |
| Trường đào tạo Sông Hồng | 50.000.000 | 50.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | | | |
| Công ty TNHH MTV Trung Tín Quảng Ninh | 24.942.700 | 24.942.700 | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 24.942.700 | 12.471.350 | Quá hạn từ 1 đến 2 năm |
| Cửa hàng Thịnh Bản | 11.471.869 | 11.471.869 | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 11.471.869 | 5.735.935 | Quá hạn từ 1 đến 2 năm |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long | 418.982.500 | 418.982.500 | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 418.982.500 | 209.491.250 | Quá hạn từ 1 đến 2 năm |
| Cửa hàng Nguyễn Thái Sơn | 1.829.000 | 1.829.000 | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 1.829.000 | 914.500 | Quá hạn từ 1 đến 2 năm |
| Công ty TNHH TTTM Ngọc Trường- Bắc Ninh | 7.600.900 | 7.600.900 | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 7.600.900 | 3.800.450 | Quá hạn từ 1 đến 2 năm |
| Đối tượng khác | 110.604.910 | 110.604.910 | Quá hạn trên 3 năm | 72.055.410 | 72.055.410 | Quá hạn trên 3 năm |
| | 2.529.617.527 | 2.529.617.527 | | 2.441.068.027 | 2.057.064.539 | |